TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 813/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 30 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 788/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Đình M, sinh năm 1989.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: 156 T1, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Hồ Thị L, sinh năm 1993.

Hộ khẩu thường trú: 156 T1, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã H1, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình M và chị Hồ Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2018 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị L là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nên thường xuyên cãi vã, có lần còn xô xát nhau. Từ năm 2019, vợ chồng bắt đầu sống ly thân cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh M và chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa anh M và chị L là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh M và chị L.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Đình M và chị Hồ Thị L có 01 con chung tên là Nguyễn Hồ Tú L1, sinh ngày 10/7/2018. Hiện nay, cháu L1 đang ở với chị L. Nay ly hôn, anh M và chị L thỏa thuận: Giao cháu L1 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), anh M cấp dưỡng nuôi cháu L1 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng/tháng) kể từ

khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L1 đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Nguyễn Đình M và chị Hồ Thị L trình bày không có tài sản chung, không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình M và chị Hồ Thị L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Đình M và chị Hồ Thị L có 01 con chung tên là Nguyễn Hồ Tú L1, sinh ngày 10/7/2018. Hiện nay, cháu L1 đang ở với chị L.

Giao cháu Nguyễn Hồ Tú L1 cho chị Hồ Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi), anh Nguyễn Đình M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hồ Tú L1 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng/tháng) kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Hồ Tú L1 đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh Nguyễn Đình M và chị Hồ Thị L trình bày không có tài sản chung, không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đình M và chị Hồ Thị L, mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001007 ngày 03/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Nguyễn Đình M, chị Hồ Thị L đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- UBND P. T, thành phố H
(ĐKKH số 28 ngày 07/3/2018);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

Lê Văn Hạnh